TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-12-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm*** tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2024/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 376/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Ngọc M**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: thôn Hải Lưu, xã Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Anh **Phan Hoài A**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị M, anh A vắng mặt (chị M có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Ngọc M trình bày:

Chị và anh Phan Hoài A cùng tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/06/2013 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55/KH/2013 Quyển số 01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, vài năm gần đây anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống, không có được tiếng nói chung trong mọi việc. Anh chị nhiều lần cùng hàn gắn, nhưng sau đó vẫn không cải thiện được. Chị và anh Phan Hoài A

đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Hoài A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là Phan Đoàn Thúy An, sinh ngày 30/10/2014 hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không có yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho vợ chồng: chị không yêu cầu cấp dưỡng cho anh A và cũng không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho chị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ các quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Ngọc M. Chị Đoàn Thị Ngọc M được ly hôn với anh Phan Hoài A.

- Về con chung: Giao con chung là Phan Đoàn Thúy An, sinh ngày 30/10/2014 cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận chị M không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị Đoàn Thị Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Phan Hoài A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M và anh A.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* chị M và anh A chung sống trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/6/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị M cho rằng trong quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do chị M nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh A được nữa nên chị có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho chị M và anh A đoàn tụ nhưng anh A đều vắng mặt. Như vậy, tuy biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng anh A đã không tham gia, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân của chị M và anh A. Mặc khác, chị M và anh A đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau như vợ như chồng, không có thời gian đoàn tụ. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị M và anh A đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* chị M và anh A có 01 con chung là Phan Đoàn Thúy An, sinh ngày 30/10/2014. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện cháu An đang sống với chị M tại tỉnh Quảng Bình. Do cháu An bận học và điều kiện đi lại khó khăn, tốn kém nên cháu An không thể đến Toà án để lấy ý kiến. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Theo quy định này thì việc giao con ai nuôi dưỡng không chỉ dựa vào nguyện vọng của con từ 07 tuổi trở lên, mà còn phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên như điều kiện ăn ở, học hành, đi lại. Từ khi chị M và anh A sống ly thân thì chị M là người trực tiếp nuôi cháu An, chị M vẫn đảm bảo quyền và lợi ích của con. Hơn nữa, anh A không đến Toà án tham gia giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị M về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung nên cần giao cháu Thuý An cho chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Tuy nhiên, chị M không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị M, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* chị M khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho vợ chồng:* chị Đoàn Thị Ngọc M không yêu cầu cấp dưỡng cho anh Phan Hoài A và cũng không yêu cầu anh Phan Hoài A cấp dưỡng cho chị.

[2.5] *Về án phí:* chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ngọc M. Chị Đoàn Thị Ngọc M được ly hôn với anh Phan Hoài A.

2. Về con chung: ghi nhận chị Đoàn Thị Ngọc M và anh Phan Hoài A có 01 con chung là Phan Đoàn Thúy An, sinh ngày 30/10/2014.

Giao con chung là cháu Thúy An cho chị Đoàn Thị Ngọc M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thúy An đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Đoàn Thị Ngọc M không yêu cầu anh Phan Hoài A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Đoàn Thị Ngọc M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho vợ chồng: chị Đoàn Thị Ngọc M không yêu cầu cấp dưỡng cho anh Phan Hoài A và cũng không yêu cầu anh Phan Hoài A cấp dưỡng cho chị.

5. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Đoàn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004161 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; chị M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Phú Đông;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang